

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 18 - 8 - 2020.
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và ông Trịnh Văn Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp kiện “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 168, tổ 4, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Hương Q, sinh năm 1996.

Nơi ĐKNKTT: tổ 4, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: thôn VL 2, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt anh X, chị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn X và Lê Thị Hương Q đã đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện vì anh chị có thời gian tìm hiểu nhau trước đó khoảng 03 tháng và có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tại địa phương hai bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống chỉ được khoảng hơn 01 năm thì đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về cách sống, quan điểm sống nên vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung và

không có hạnh phúc. Quá trình sống ly thân, hai bên không hề quan tâm đến nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng.

* Quan điểm của anh Nguyễn Văn X: Anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh không thể hàn gắn được nữa và tình cảm anh dành cho chị Q không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Hương Q.

* Quan điểm của chị Lê Thị Hương Q: Chị cũng nhận thấy giữa vợ chồng chị có nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, cách sống nên khi anh X làm đơn xin ly hôn thì chị đã ký đơn và trong quá trình từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên họp hòa giải ngày 11/6/2020 thì chị đồng ý ly hôn với anh X. Sau đó chị đã thay đổi ý kiến, tại phiên họp hòa giải ngày 29/7/2020 và phiên tòa hôm nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh X nên anh X xin ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn. Mong Tòa án xem xét cho vợ chồng chị được đoàn tụ.

- Về con chung: Anh X và chị Q thống nhất có một con gái chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 14/10/2018 do chị Q đang nuôi dưỡng, chăm sóc.

* Quan điểm của anh X: Anh xin được nuôi con chung Nguyễn Phương A và anh không đề nghị chị Q cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Nếu không được nuôi con chung thì anh đề nghị giao cháu Nguyễn Phương A cho chị Q nuôi dưỡng và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh đang làm việc tại Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Hùng Dũng, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

* Quan điểm của chị Q: Nếu vợ chồng chị phải ly hôn chị xin được nuôi con chung Nguyễn Phương A và chị đề nghị anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 5.000.000đ/01 tháng (Năm triệu đồng), cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi. Về việc anh X xin nuôi con chung thì chị không đồng ý cho anh X nuôi, còn việc anh X đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thì chị không đồng ý. Hiện nay, chị đang làm giáo viên tại trường Mầm non xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có. Hiện chị Q không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Anh X vẫn giữ nguyên quan điểm: Về hôn nhân anh xin ly hôn với chị Q. Về con chung: Anh đồng ý giao con chung Nguyễn Phương A cho chị Q nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành. Các vấn đề khác anh không đề nghị giải quyết.

* Chị Q cũng giữ nguyên quan điểm: Về hôn nhân: Chị không nhất trí ly hôn và xin được đoàn tụ. Về con chung: Nếu phải ly hôn chị xin được nuôi con

chung Nguyễn Phương A và chị đề nghị anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 5.000.000đ/01 tháng (Năm triệu đồng) cho đến khi cháu A trưởng thành.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn X.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn X và chị Lê Thị Hương Q.

- Về con chung: Giao chị Lê Thị Hương Q nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A và anh X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh X phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Lê Thị Hương Q hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn VL 2, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì

vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Nguyễn Văn X và chị Lê Thị Hương Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn X và Lê Thị Hương Q đã đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau kết hôn vợ chồng anh chị cũng có hơn một năm đầu chung sống hoà thuận hạnh phúc sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, cách sống, không có tiếng nói chung được hai bên thừa nhận nên đã thống nhất ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án chị Q thay đổi ý kiến xin đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, chị Q không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn lại mối quan hệ tình cảm của vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay và hai bên không hề quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại phiên họp hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích, khuyên anh X suy nghĩ lại về đoàn tụ với chị Q để cùng nuôi dạy con chung nhưng anh X vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh X theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh X và chị Q thống nhất có 01 con gái chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 14/10/2018. Xét nguyện vọng của anh chị về việc nuôi dưỡng con chung và căn cứ vào điều kiện thực tế của hai bên hiện nay, Hội đồng xét xử thấy: Cháu Nguyễn Phương A còn rất nhỏ (gần 02 tuổi) nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, anh X cũng nhất trí giao cháu Nguyễn Phương A cho chị Q nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cho chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phương A là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị Q yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, anh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng vì mức thu nhập của anh X mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng. Xét thấy, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Q là quá cao so với thu nhập của anh X hàng tháng, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh X cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi tháng là 2.000.000đ, cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện chị Q không có thai nghén gì.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh X, chị Q thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh X phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Anh Nguyễn Văn X và chị Lê Thị Hương Q.

[2] Về con chung: Giao chị Lê Thị Hương Q được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 14/10/2018 (con gái). Anh Nguyễn Văn X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị Hương Q mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8 năm 2020, cho đến khi cháu Nguyễn Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn X phải nộp là 300.000đ.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn X phải nộp là 300.000đ.

Tổng cộng anh Nguyễn Văn X phải nộp 600.000đ, được đối trừ với 300.000đ, mà anh X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004500 ngày 27/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh Nguyễn Văn X còn phải nộp tiếp 300.000đ.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh X, chị Q có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA DS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên